



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 29

12
C
CH
KIẾ
/

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai được thành lập theo:

- Quyết định ngày 12 tháng 05 năm 2005 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai phê duyệt phương án và chuyển Công ty khai thác cát Đồng Nai thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000281 ngày 29 tháng 09 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2008.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 88,34 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Xí nghiệp Bê tông Đồng Nai bao gồm hai trạm trộn bê tông:
 - Bê tông An Bình: Khu phố 10, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
 - Bê tông Hồ Nai: Lô E, F cụm Khu công nghiệp Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
- Nhà máy gạch Tuynel: Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp đá Tân Cang 5: Ấp Tân Cang, Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp đá Thiện Tân 5: Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hữu Thực	Chủ tịch
Ông Trương Cường	Phó Chủ tịch
Ông Trương Minh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Phòng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Hồ Thị Minh Tâm	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hữu Thực	Tổng Giám đốc
Ông Trương Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Phòng	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Biên Hòa, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU THỰC



Số: 15.105/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.273.089.209	59.443.488.006
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.518.667.645	6.145.585.715
1. Tiền	111		6.518.667.645	5.741.454.091
2. Các khoản tương đương tiền	112			404.131.624
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	37.028.345.845	42.113.858.525
1. Phải thu khách hàng	131		40.252.107.897	40.330.099.037
2. Trả trước cho người bán	132		1.203.234.401	993.012.401
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		105.439.467	3.131.257.068
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.532.435.920)	(2.340.509.981)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	6.587.350.665	9.066.124.717
1. Hàng tồn kho	141		6.587.350.665	9.066.124.717
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.138.725.054	2.117.919.049
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		336.603.439	161.484.272
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	1.802.121.615	1.956.434.777

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.232.142.455	88.693.582.158
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		36.613.175.874	55.305.928.490
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	24.239.408.590	17.760.382.752
+ Nguyên giá	222		66.978.931.315	58.174.356.193
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.739.522.725)	(40.413.973.441)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227			19.379.817
+ Nguyên giá	228		279.296.027	321.786.936
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(279.296.027)	(302.407.119)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	12.373.767.284	37.526.165.921
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.399.180.000	7.177.280.200
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	5.399.180.000	7.177.280.200
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		56.219.786.581	26.210.373.468
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	54.214.244.340	24.969.642.068
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.10	2.005.542.241	1.240.731.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		150.505.231.664	148.137.070.164

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.317.049.152	40.844.552.133
I. Nợ ngắn hạn	310		34.730.365.152	32.127.868.133
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	4.184.471.374	6.340.591.199
2. Phải trả người bán	312	5.12	21.941.707.996	16.765.253.233
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	3.012.480.933	4.747.596.505
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	958.792.968	1.041.314.527
5. Phải trả người lao động	315	5.14	2.661.916.076	1.532.085.521
6. Chi phí phải trả	316		461.376.179	159.965.800
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	1.462.535.437	1.493.473.505
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		47.084.189	47.587.843
II. Nợ dài hạn	330		10.586.684.000	8.716.684.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	10.586.684.000	8.716.684.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.188.182.512	107.292.518.031
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17.1	105.188.182.512	107.292.518.031
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.17.2	88.340.000.000	88.340.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		14.259.004.846	14.207.380.413
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			3.148.233.979
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.17.5	2.589.177.666	1.596.903.639
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		150.505.231.664	148.137.070.164

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		345.457.956	
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		220,34	220,10
+ EUR		349,72	349,36
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Biên Hòa, ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THÁI HOÀI HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ QUY

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU THỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		135.495.310.364	111.233.311.367
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		297.024.293	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	135.198.286.071	111.233.311.367
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	123.129.517.358	105.650.397.447
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.068.768.713	5.582.913.920
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		638.966.980	352.502.059
7. Chi phí tài chính	22		311.129.815	31.138.497
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		311.129.815	21.138.497
8. Chi phí bán hàng	24	6.3	2.433.183.843	1.055.262.620
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	6.710.430.627	3.691.353.002
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.252.991.408	1.157.661.860
11. Thu nhập khác	31		398.820.278	200.869.691
12. Chi phí khác	32		567.007.710	35.677.916
13. Lợi nhuận khác	40		(168.187.432)	165.191.775
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.084.803.976	1.322.853.635
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	634.056.876	318.333.932
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.450.747.100	1.004.519.703
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.17.4	277	114

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THÁI HOÀI HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG




TRẦN THỊ QUY

NGUYỄN HỮU THỰC

Biên Hòa, ngày 15 tháng 03 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		124.837.903.550	91.736.633.644
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(81.742.392.180)	(74.849.173.059)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.740.795.917)	(8.350.487.705)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.372.234.863)	(877.141.245)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(513.761.120)	(90.453.903)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.984.944.741	13.992.862.387
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.552.522.389)	(18.656.120.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.901.141.822	2.906.119.428
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.258.456.230)	(22.957.971.460)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		72.727.272	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.000.000.000	10.990.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		329.366.980	249.609.011
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.856.361.978)	(11.718.362.449)

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		11.732.461.673	23.801.362.782
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.018.169.689)	(8.744.087.583)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.385.989.898)	(4.770.211.510)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.671.697.914)	10.287.063.689
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		373.081.930	1.474.820.668
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.145.585.715	4.670.765.047
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		6.518.667.645	6.145.585.715

Biên Hòa, ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THÁI HOÀI HƯƠNG



TRẦN THỊ QUY



NGUYỄN HỮU THỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định ngày 12 tháng 05 năm 2005 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai phê duyệt phương án và chuyển Công ty khai thác cát Đồng Nai thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000281 ngày 29 tháng 09 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2008.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 là 88,3 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Xí nghiệp Bê tông Đồng Nai bao gồm hai trạm trộn bê tông:
 - Bê tông An Bình: Khu phố 10, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
 - Bê tông Hồ Nai: Lô E, F cụm Khu công nghiệp Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
- Nhà máy gạch Tuynel: Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp đá Tân Cang 5: Ấp Tân Cang, Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp đá Thiện Tân 5: Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 161 (31/12/2013: 171).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, chế biến, mua bán cát, đất, đá các loại. Sản xuất bê tông thương phẩm, xi măng (liên doanh), gạch ngói các loại. Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng
- Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, trung tâm thương mại, nhà hàng, cao ốc, văn phòng cho thuê.
- San lấp mặt bằng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.
- Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện. Thi công, lắp đặt công trình điện đến 220KV.
- Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị công nghiệp và nông nghiệp.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí liên quan giá vốn công cụ, các chi phí ở xí nghiệp. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 15 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08 năm
+ Tài sản khác	05 – 30 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.10 Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.12 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.13 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

4.14 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Theo quy định tại điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.16 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.18 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Vật liệu xây dựng, Bê tông	10%
+ Kinh doanh nhà	10%
+ Các dịch vụ khác	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.19 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính chưa niêm yết và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	664.743.302	1.289.866.860
Tiền gửi ngân hàng	5.853.924.343	4.451.587.231
Các khoản tương đương tiền	-	404.131.624
Tổng cộng	<u>6.518.667.645</u>	<u>6.145.585.715</u>

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	40.252.107.897	40.330.099.037
Trả trước cho người bán	1.203.234.401	993.012.401
Các khoản phải thu khác	105.439.467	3.131.257.068
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	<u>41.560.781.765</u>	<u>44.454.368.506</u>
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.532.435.920)	(2.340.509.981)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>37.028.345.845</u>	<u>42.113.858.525</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng Công ty	21.837.078.796	24.204.921.078
XI nghiệp Bê tông	15.226.101.444	12.091.200.836
Nhà máy gạch Tuynel	3.188.927.657	4.033.977.123
Cộng	<u>40.252.107.897</u>	<u>40.330.099.037</u>

(Phần tiếp theo trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.359.478.826	2.463.627.423
Công cụ, dụng cụ	274.282.200	274.282.200
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.416.082.992	3.222.386.087
Thành phẩm	1.537.506.647	3.105.829.007
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>6.587.350.665</u>	<u>9.066.124.717</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	<u>6.587.350.665</u>	<u>9.066.124.717</u>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chung cư cao tầng tại 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	945.711.936	945.711.936
Cụm Công nghiệp Long Phước	720.212.631	720.212.631
Công trình Trạm bơm tăng áp Sông Đà	513.317.826	513.317.826
Khu nhà ở Hóa An	-	265.642.781
Công trình khác	236.840.599	777.500.913
Tổng cộng	<u>2.416.082.992</u>	<u>3.222.386.087</u>

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	620.317.885	775.631.047
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.181.803.730	1.180.803.730
Tổng cộng	<u>1.802.121.615</u>	<u>1.956.434.777</u>

(Phần tiếp theo trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	16.344.518.359	21.730.920.201	13.451.290.878	1.004.627.157	5.642.999.598	58.174.356.193
Mua trong năm	-	110.000.000	6.214.689.091	-	-	6.324.689.091
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.010.181.819	-	-	954.285.000	1.180.821.829	3.145.288.648
Thanh lý, nhượng bán	(145.528.500)	(271.810.864)	(80.000.000)	-	(49.011.406)	(546.350.770)
Xóa sổ tài sản	-	-	-	-	(119.051.847)	(119.051.847)
Số dư cuối năm	17.209.171.678	21.569.109.337	19.585.979.969	1.958.912.157	6.655.758.174	66.978.931.315
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.955.381.873	19.869.628.287	10.866.776.776	454.869.584	2.267.316.921	40.413.973.441
Khấu hao trong năm	953.243.721	772.852.566	546.021.867	186.261.108	423.280.601	2.881.659.863
Thanh lý, nhượng bán	(145.528.500)	(271.810.864)	(44.666.689)	-	(24.980.188)	(486.986.241)
Xóa sổ tài sản	-	-	-	-	(69.124.338)	(69.124.338)
Số dư cuối năm	7.763.097.094	20.370.669.989	11.368.131.954	641.130.692	2.596.492.996	42.739.522.725
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.389.136.486	1.861.291.914	2.584.514.102	549.757.573	3.375.682.677	17.760.382.752
Tại ngày cuối năm	9.446.074.584	1.198.439.348	8.217.848.015	1.317.781.465	4.059.265.178	24.239.408.590

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 6.993.371.757 đồng – Xem thêm mục 5.11.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 28.351.508.363 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình nhà máy không được sử dụng và đang chờ thanh lý là 1.245.921.520 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công trình mỏ đá Tân Cang	10.714.448.014	26.648.231.974
Công trình mỏ đá Thiên Tân	1.659.319.270	10.877.933.947
Tổng cộng	<u>12.373.767.284</u>	<u>37.526.165.921</u>

Thông tin về công trình mỏ đá Tân Cang:

Địa điểm thực hiện: xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích là 25ha.

Mục đích: khai thác đá

Giá trị thực hiện đến 31/12/2014 bao gồm:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí đền bù giải tỏa	2.471.390.000	10.768.122.400
Chi phí bốc tải phủ	3.237.124.467	11.782.671.404
Chi phí quản lý	3.205.902.394	2.955.622.203
Chi phí xây dựng, mua sắm tài sản cố định và công cụ dụng cụ	1.167.947.389	651.925.516
Chi phí khảo sát, thiết kế	-	249.089.087
Chi phí khác	632.083.764	240.801.364
Tổng cộng	<u>10.714.448.014</u>	<u>26.648.231.974</u>

Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 11/2013/HĐTC ngày 15/03/2013 với Ngân hàng thì quyền khai thác tài nguyên mỏ Tân Cang đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn với giá trị định giá là 90 tỷ đồng – Xem thêm mục 5.11 và 5.16.

Thông tin về công trình mỏ đá Thiên Tân:

Địa điểm thực hiện: huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích là 27,7ha.

Mục đích: khai thác đá

Giá trị thực hiện đến 31/12/2014 bao gồm:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thi công thăm dò trữ lượng đá	1.659.319.270	1.910.565.026
Chi phí đền bù giải tỏa	-	6.903.048.896
Chi phí tư vấn thiết kế	-	1.077.272.727
Chi phí khác	-	987.047.298
Tổng cộng	<u>1.659.319.270</u>	<u>10.877.933.947</u>

5.7. Chi phí lãi vay được vốn hóa

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với số tiền 1.185.971.017 đồng. Đây là chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển mỏ đá Tân Cang. Chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm không vượt quá tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Là các khoản đầu tư vào các đơn vị sau:

	Cuối năm		VND Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai (BOT Cầu Đồng Nai)	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	42.024	1.050.600.000	42.024	1.050.600.000
Nền nhà tại Khu Thiên Hà	-	1.308.580.000	-	1.308.580.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Kinh Doanh Bất động sản	10.000	240.000.000	10.000	240.000.000
Công ty CP Hoàng Linh	-	-	-	1.778.100.200
Tổng cộng		<u>5.399.180.000</u>		<u>7.177.280.200</u>

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn của xí nghiệp đá Tân Cang	42.465.528.350	24.316.836.356
Chi phí trả trước dài hạn của xí nghiệp đá Thiện Tân	11.113.512.100	-
Chi phí trả trước dài hạn của xí nghiệp Gạch Tynel	111.855.055	89.808.867
Khác	523.348.835	562.996.845
Tổng cộng	<u>54.214.244.340</u>	<u>24.969.642.068</u>

Chi phí trả trước dài hạn của xí nghiệp đá Tân Cang chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí đền bù, chuyển nhượng đất	25.573.814.425	19.287.090.031
Chi phí bốc tăng phủ	9.724.165.266	202.285.349
Chi phí khảo sát, thiết kế	2.518.037.530	2.565.830.456
Chi phí khác	4.649.511.129	2.261.630.520
Tổng cộng	<u>42.465.528.350</u>	<u>24.316.836.356</u>

Chi phí trả trước dài hạn của xí nghiệp đá Thiện Tân chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi tiền đền bù, chuyển nhượng đất	7.192.211.286	-
Chi phí bốc tăng phủ	1.059.459.502	-
Chi phí khảo sát, thiết kế	1.322.256.208	-
Chi phí khác	1.539.585.104	-
Tổng cộng	<u>11.113.512.100</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.10. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ cải tạo môi trường mỏ đá Tân Cang 5 và Thiện Tân 5 cho Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai lần lượt theo Quyết định số 1819/QĐ-BTNMT ngày 31/10/2012 và Quyết định số 1614/QĐ-BTNMT ngày 27/09/2012 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường.

5.11. Vay và nợ ngắn hạn

Là các khoản vay ngân hàng với lãi suất từ 8% - 9%/năm đối với VND và được thế chấp bằng mỏ đá Tân Cang, xe và máy móc thiết bị - Xem thêm mục 5.5 và 5.6.

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	21.941.707.996	16.765.253.233
Người mua trả tiền trước	3.012.480.933	4.747.596.505
Tổng cộng	<u>24.954.188.929</u>	<u>21.512.849.738</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng công ty	6.631.221.191	4.606.883.358
Xí nghiệp Bê tông	13.175.218.116	10.426.638.388
Nhà máy gạch Tuynel	2.135.268.689	1.731.731.487
Tổng cộng	<u>21.941.707.996</u>	<u>16.765.253.233</u>

Các khoản người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng công ty	2.960.607.503	4.720.375.025
Xí nghiệp Bê tông	35.040.000	10.885.000
Nhà máy gạch Tuynel	16.833.430	16.336.480
Tổng cộng	<u>3.012.480.933</u>	<u>4.747.596.505</u>

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn phải nộp cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	335.201.331	2.723.006.787	2.950.187.260	88.245.151
Thuế TNDN	166.267.363	634.056.876	513.761.120	286.563.119
Thuế thu nhập cá nhân	18.184.556	77.342.535	82.047.866	13.479.225
Thuế tài nguyên	355.683.192	3.202.459.138	3.165.111.862	393.030.468
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	20.986.125	2.303.608.451	2.303.608.451	20.986.125
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	144.991.960	1.244.692.057	1.233.195.137	156.488.880
Tổng cộng	<u>1.041.314.527</u>	<u>10.192.165.844</u>	<u>10.254.911.696</u>	<u>958.792.968</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.14. Phải trả người lao động

Là khoản thường năm 2014 còn phải trả cho người lao động.

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	160.296.894	115.598.331
Nhận đặt cọc	349.900.000	349.900.000
Cổ tức phải trả	852.208.542	912.769.690
Các khoản phải trả, phải nộp khác	100.130.001	115.205.484
Tổng cộng	<u>1.462.535.437</u>	<u>1.493.473.505</u>

5.16. Vay và nợ dài hạn

Là các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất từ 10%/năm đến 12%/năm đối với VND với mục đích đền bù, giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án mở Tân Cang. Các khoản vay này được thế chấp bằng giá trị mỏ đá Tân Cang - Xem thêm mục 5.6.

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	ĐVT: ngàn đồng				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	88.340.000	14.054.889	3.166.646	3.852.550	109.414.085
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.004.520	1.004.520
Chia cổ tức	-	-	-	(2.650.200)	(2.650.200)
Trích lập quỹ	-	152.491	152.491	(609.966)	(304.983)
Sử dụng quỹ	-	-	(170.904)	-	(170.904)
Số dư đầu năm nay	<u>88.340.000</u>	<u>14.207.380</u>	<u>3.148.234</u>	<u>1.596.904</u>	<u>107.292.518</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.450.747	2.450.747
Chia cổ tức	-	-	-	(1.325.100)	(1.325.100)
Trích lập quỹ	-	50.226	-	(133.373)	(83.147)
Sử dụng quỹ	-	-	(3.146.836)	-	(3.146.836)
Khác	-	1.398	(1.398)	-	-
Số dư cuối năm nay	<u>88.340.000</u>	<u>14.259.005</u>	<u>-</u>	<u>2.589.178</u>	<u>105.188.183</u>

5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	46.193.400.000	52,29%	46.193.400.000	52,29%
Công ty Chứng Khoán Đại Việt	10.000.000.000	11,32%	10.000.000.000	11,32%
Cổ đông khác	32.146.600.000	36,39%	32.146.600.000	36,39%
Tổng cộng	<u>88.340.000.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>88.340.000.000</u>	<u>100,00%</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.17.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.834.000	8.834.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	8.834.000	8.834.000
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	8.834.000	8.834.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.17.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	2.450.747.100	1.004.519.703
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	8.834.000	8.834.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	<u>277</u>	<u>114</u>

5.17.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	1.596.903.639	3.852.549.836
Lợi nhuận sau thuế trong năm	2.450.747.100	1.004.519.703
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(50.225.985)	(152.491.475)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	(152.491.475)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(83.147.088)	(304.982.950)
Chia cổ tức	(1.325.100.000)	(2.650.200.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>2.589.177.666</u>	<u>1.596.903.639</u>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	132.090.953.517	88.180.770.598
Doanh thu kinh doanh bất động sản	475.636.364	2.905.477.067
Doanh thu xây lắp công trình	-	16.513.122.064
Doanh thu khác	2.928.720.483	3.633.941.638
Hàng bán bị trả lại	(297.024.293)	-
Doanh thu thuần	<u>135.198.286.071</u>	<u>111.233.311.367</u>

(Phần tiếp theo trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	121.273.562.178	82.282.284.105
Giá vốn kinh doanh bất động sản	294.180.963	2.122.335.924
Giá vốn xây lắp công trình	-	19.104.738.036
Giá vốn khác	1.561.774.217	2.141.039.382
Tổng cộng	<u>123.129.517.358</u>	<u>105.650.397.447</u>

6.3. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	14.251.115	39.855.577
Chi phí khác	2.418.932.728	1.015.407.043
Tổng cộng	<u>2.433.183.843</u>	<u>1.055.262.620</u>

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.961.568.844	1.917.629.705
Chi phí vật liệu quản lý	403.202.937	320.939.926
Chi phí đồ dùng văn phòng	77.615.774	26.397.374
Chi phí khấu hao TSCĐ	296.269.958	269.102.966
Thuế, phí và lệ phí	764.439.576	345.723.992
Chi phí dự phòng	2.191.925.939	335.723.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	227.503.771	131.132.912
Chi phí bằng tiền khác	787.903.828	344.703.077
Tổng cộng	<u>6.710.430.627</u>	<u>3.691.353.002</u>

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.084.803.976	1.322.853.635
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	27.849.935	25.833.216
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(230.577.200)	(75.351.124)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	<u>2.882.076.711</u>	<u>1.273.335.727</u>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	<u>634.056.876</u>	<u>318.333.932</u>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	<u>634.056.876</u>	<u>318.333.932</u>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí hoặc thu nhập khi tính thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	73.671.993.396	56.429.136.129
Chi phí nhân công	11.816.779.108	9.387.516.345
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.424.795.459	2.059.285.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.378.064.309	15.140.820.663
Chi phí khác bằng tiền	5.591.385.139	1.932.982.804
Chi phí dự phòng	2.191.925.939	335.723.050
Tổng cộng	<u>126.074.943.350</u>	<u>85.285.464.835</u>

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Tên công ty	Mối quan hệ
1. Tổng Công ty Sonadezi	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty con cùng tập đoàn
3. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty con cùng tập đoàn
4. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty con cùng tập đoàn

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chuyển nhượng vốn góp	-	14.000.000.000

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	90.000.000	82.500.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	218.039.295	183.912.115
Tổng cộng	<u>308.039.295</u>	<u>219.912.115</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.19.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.518.667.645	6.145.585.715
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.825.111.444	41.120.846.124
Tài sản tài chính khác	3.187.345.971	2.421.535.130
Đầu tư tài chính khác	5.399.180.000	7.177.280.200
Tổng cộng	<u>50.930.305.060</u>	<u>56.865.247.169</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	14.771.155.374	15.057.275.199
Phải trả người bán và phải trả khác	22.391.737.997	17.230.358.717
Chi phí phải trả	461.376.179	159.965.800
Tổng cộng	<u>37.624.269.550</u>	<u>32.447.599.716</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	56.579,00	56.579,00	56.852,03	56.852,03
Euro (EUR)	-	-	349,72	349,36

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
31/12/2014			
Các khoản vay	4.184.471.374	10.586.684.000	14.771.155.374
Phải trả người bán và phải trả khác	22.391.737.997	-	22.391.737.997
Chi phí phải trả	461.376.179	-	461.376.179
01/01/2014			
Vay	6.340.591.199	8.716.684.000	15.057.275.199
Phải trả người bán và phải trả khác	17.230.358.717	-	17.230.358.717
Chi phí phải trả	159.965.800	-	159.965.800

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
31/12/2014			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.825.111.444	-	35.825.111.444
Tài sản tài chính khác	1.181.803.730	2.005.542.241	3.187.345.971
Đầu tư tài chính khác	-	5.399.180.000	5.399.180.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 138 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 1, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	VND Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.120.846.124	-	41.120.846.124
Tài sản tài chính khác	1.180.803.730	1.240.731.400	2.421.535.130
Đầu tư tài chính khác	-	7.177.280.200	7.177.280.200

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

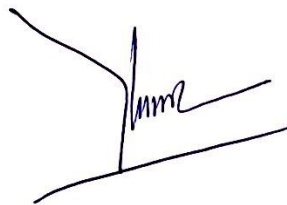
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 03 năm 2015.

Biên Hòa, ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THÁI HOÀI HƯƠNG

TRẦN THỊ QUY

NGUYỄN HỮU THỰC